

Số: ...07/2022/TTr-ĐHĐCĐ

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 01 năm 2022

## TỜ TRÌNH

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(V/v: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty như sau:

- Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.
- Nội dung chi tiết các điểm sửa chữa, bổ sung Điều lệ Công ty được trình bày tại Phụ lục đính kèm Tờ trình này.
- Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua./.

**Nơi nhân:**

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VP.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Nguyễn Đức Khả**



## PHỤ LỤC 01

(Kèm theo Tờ trình Số: 07/2022/TTr-ĐHĐCĐ, về việc: Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty )

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
Điểm e Khoản 1 Điều 1	" <i>Cán bộ quản lý</i> " là Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc; Người điều hành doanh nghiệp khác, gồm: Giám đốc Điều hành; và Các chức danh quản lý khác (là người có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty) theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm.	Điểm e Khoản 1 Điều 1	" <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> " là Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc; Người điều hành doanh nghiệp khác, gồm: Giám đốc Điều hành; và Các chức danh quản lý khác (là người có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty) theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được Hội đồng quản trị phê chuẩn tại từng thời điểm.	Cập nhật thuật ngữ theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020
	<Không có nội dung>	Điểm k Khoản 1 Điều 1	" <i>Người có quan hệ gia đình</i> " bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.	Cập nhật thuật ngữ theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 1 Điều 3	<i>Lĩnh vực kinh doanh của Công ty</i>	Khoản 1 Điều 3	<i>Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:</i> <Kèm theo bảng ngành, nghề kinh doanh cùng mã ngành, nghề của Công ty>	Cập nhật theo Điều 24 Luật Doanh nghiệp 2020
Khoản 1 Điều 5	Vốn điều lệ của Công ty là <b>158.886.360.000 đồng (bằng chữ: Một trăm năm mươi tám tỷ tám trăm tám mươi sáu triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).</b>	Khoản 1 Điều 5	Vốn điều lệ của Công ty là <b>166.826.240.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn).</b>  Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <b>16.682.624 cổ phần (Bằng chữ: Mười sáu triệu sáu</b>	Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p>Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành <b>15.888.636 cổ phần (bằng chữ: Mười lăm triệu tám trăm tám mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi sáu)</b> với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng trên một cổ phần).</p>		<p><b>trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi bốn)</b> với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (mười ngàn đồng trên một cổ phần).</p>	<p>18 ngày 11/11/2021</p>
<p>Khoản 6 Điều 5</p>	<p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác <b>hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.</b></p>	<p>Khoản 6 Điều 5</p>	<p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác</p>	<p>Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
Khoản 2 Điều 7	Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ, bảo quản và sử dụng tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại một địa điểm khác hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật <b>hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán</b> . Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định <b>hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán</b> .	Khoản 2 Điều 7	Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ, bảo quản và sử dụng tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại một địa điểm khác hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của Pháp luật hoặc <b>Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam</b> . Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc một tổ chức khác do Hội đồng quản trị quyết định hoặc <b>Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam</b> .	Cập nhật theo Luật Chứng khoán 2019
Khoản 2 Điều 8	Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.	Khoản 2 Điều 8	Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng, hưởng cổ tức <b>và các quyền lợi khác theo quy định pháp luật</b>	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Khoản 6 Điều 11	Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty <b>trong thời hạn sớm nhất</b> .	Khoản 6 Điều 11	Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty <b>trong thời hạn 03 ngày kể từ khi phát sinh sự thay đổi</b> trừ trường hợp Công ty và Pháp luật có quy định khác.	Do “thời hạn sớm nhất” không thể xác định được và có thể phát sinh

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 12	a. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hay gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Tổ chức/Cá nhân trở thành/không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn. b. Báo cáo về sở hữu của Cổ đông lớn bao gồm các nội dung sau đây: i. Tên, địa chỉ, ngành nghề kinh doanh đối với cổ đông lớn là tổ chức; họ tên, quốc tịch, nơi cư trú, nghề nghiệp đối với cổ đông lớn là cá nhân. ii. Số lượng và tỷ lệ phần trăm cổ phiếu do Cổ đông sở hữu hoặc cùng với tổ chức, cá nhân khác sở hữu trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành. c. Khi có sự thay đổi quan trọng về thông tin nêu trong báo cáo quy định tại điểm b trên đây hoặc có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì	Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 12	a. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu trực tiếp hay gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Tổ chức/Cá nhân trở thành/không còn là Cổ đông lớn của Công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản đến Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết <b><i>theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC</i></b> trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày trở thành cổ đông lớn hoặc không còn là cổ đông lớn. b. Khi có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu vượt quá một phần trăm (01%) số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, thì trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết <b><i>theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.</i></b> c. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán	Cập nhật theo Điều 31 Thông tư 96/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
	<p>trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi trên, Cổ đông lớn phải nộp báo cáo sửa đổi, bổ sung cho Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty được niêm yết.</p>		<p>theo quy định tại khoản 12 Điều 3 Thông tư 96/2020/TT-BTC.</p>	
<p>Khoản 2 Điều 14</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</li> <li>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</li> <li>e. Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập;</li> <li>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</li> <li>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</li> <li>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và</li> </ul>	<p>Khoản 2 Điều 14</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;</li> <li>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</li> <li>c. Quyết định Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</li> <li>d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</li> <li>e. Lựa chọn các tổ chức kiểm toán độc lập;</li> <li>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;</li> <li>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</li> <li>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần và việc chuyển</li> </ul>	<p>Cập nhật theo Khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp và Điều 34 Điều lệ</p>

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
	<p>việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p><i>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</i></p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>m. Công ty mua lại hơn 10% <b><i>một loại cổ phần phát hành;</i></b></p> <p><i>n. Việc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</i></p> <p>o. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 167.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc <b><i>lớn hơn 35%</i></b> tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>		<p>nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;</p> <p>i. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>j. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>k. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>l. Công ty mua lại hơn 10% <b><i>tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</i></b></p> <p>m. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Điều 167.1 Luật Doanh nghiệp với giá trị <b><i>lớn hơn 20%</i></b> tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</p>	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
	p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.			
Điểm d Khoản 2 Điều 15	Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.	Điểm d Khoản 2 Điều 15	Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền <i>khí đăng ký dự họp</i> trước khi vào phòng họp.	Cập nhật theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp
Khoản 1 Điều 16	<i>Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</i>	Khoản 1 Điều 16	<i>Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</i>	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Điểm a Khoản 2 Điều 17	Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.	Điểm a Khoản 2 Điều 17	Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty. <i>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</i>	Bổ sung Khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC



MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
<p>Điểm a Khoản 3 Điều 19</p>	<p><i>Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.</i></p>	<p>Khoản 4 Điều 19</p>	<p><i>Việc bầu chủ tọa, thư ký được quy định như sau:</i></p> <p><i>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i></p> <p><i>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i></p> <p><i>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</i></p>	<p>Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC và Điều 146 Luật Doanh nghiệp</p>
<p>Khoản 1 Điều 21</p>	<p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại <b>Điều 14.1 và Điều 14.2</b> của Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.</p>	<p>Khoản 1 Điều 21</p>	<p>Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại <b>Điều 14</b> của Điều lệ này bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, <b>trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 19 Điều lệ này.</b></p>	<p>Cập nhật để tuân thủ <b>Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và</b></p>


 C P  
 CHỨC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
				<b>Khoản 3 Điều 19 Điều lệ.</b>
Khoản 2 Điều 21	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn <b>nhận</b> phiếu lấy ý kiến.	Khoản 2 Điều 21	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông; Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các Cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn <b>phải gửi lại</b> phiếu lấy ý kiến.	Cập nhật theo Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
Điểm f Khoản 3 Điều 21	Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời. <b>Trong trường hợp cổ đông không gửi Phiếu biểu quyết về Công ty trước thời hạn nói trên thì được coi là đồng ý với tất cả các nội dung xin ý kiến biểu quyết mà Công ty đưa ra;</b>	Điểm f Khoản 3 Điều 21	Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời. <b>Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết</b>	Cập nhật theo Khoản 4 Điều 149 Luật Doanh nghiệp
Điều 22	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 22	<b>Nghị quyết</b> , Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Cập nhật Thông tư: 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
Khoản 3 Điều 22	Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Khoản 4 Điều 22	<i>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i>	
Điều 23	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;</li> </ol>	Điều 23	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, <b><i>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;</i></b></li> <li>2. <b><i>Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</i></b></li> </ol>	Cập nhật theo Điều 151 Luật Doanh nghiệp

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
	2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.			
Khoản 1 Điều 24	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.</p> <p>a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b><i>b. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</i></b></p> <p><b><i>c. Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) Công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo</i></b></p>	Khoản 1 Điều 24	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người.</p> <p>a. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p><b><i>b. Đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành</i></b></p> <p><b><i>c. Đảm bảo Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</i></b></p> <p>2. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể như sau:</p> <p>a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 2020;</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.</p>	Cập nhật theo Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p><i>nhóm Công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế hoặc là đại diện của công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.</i></p>		<p><i>c. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 công ty khác.</i></p> <p><i>d. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc/giám đốc.</i></p> <p><i>e. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><b>3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</b></p> <p><i>a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;</i></p> <p><i>b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</i></p> <p><i>c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</i></p> <p><i>d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</i></p>	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<p><i>e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</i></p> <p><i>f. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.</i></p> <p><b>4. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</b></p>	
Khoản 3 điều 24	<p>Các cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>a. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa 01 (một) thành viên.</p> <p>b. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 02 (hai) thành viên;</p>	Khoản 6 điều 24	<p>Các cổ đông/nhóm cổ đông nắm giữ <b>tối thiểu 10%</b> số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất (06) sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>a. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu <b>từ 10% đến dưới 20%</b> số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa 01 (một) thành viên.</p> <p>b. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu <b>từ 20% đến dưới 30%</b> tổng số cổ phần được đề cử tối đa 02 (hai) thành viên;</p>	Cập nhật theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
Điểm i Khoản 3 Điều 24	Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông/nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ có quyền đề cử, số còn lại do HĐQT/BKS đề cử.	Điểm i Khoản 6 Điều 24	Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông/nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ có quyền đề cử, số còn lại do HĐQT và <b>cổ đông khác</b> đề cử.	Cập nhật theo Thông tư 116/2020/TT-BTC
Khoản 6 Điều 24	Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.		<Loại bỏ nội dung này>	Loại bỏ để phù hợp với Điều 160 Luật Doanh nghiệp
Điều 30	<p><b><i>Điều 30. Cán bộ quản lý</i></b></p> <p>1. <i>Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</i></p> <p>2. <i>Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của những người điều hành doanh nghiệp khác sẽ do Hội đồng quản trị phê</i></p>	Điều 30	<p><b><i>Điều 30. Người điều hành Công ty</i></b></p> <p>1. <i>Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Điều hành và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.</i></p> <p>2. <i>Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</i></p>	Cập nhật theo Điều 34 Thông tư 116/2020/TT-BTC

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<p><i>chuẩn trên cơ sở đề xuất của Tổng Giám đốc; trường hợp chưa tổ chức được việc lấy ý kiến Hội đồng quản trị, những vấn đề này thực hiện theo quyết định của Tổng Giám Đốc và phải được trình Hội đồng quản trị phê chuẩn trong cuộc họp gần nhất. Thông tin về mức lương của người điều hành doanh nghiệp khác phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính và Báo cáo thường niên của Công ty.</i></p>		<p>3. <i>Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</i></p> <p>4. <i>Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</i></p>	
Khoản 1, 2 Điều 36	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. <i>Các thành viên Ban kiểm soát không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.. Các thành viên Ban kiểm soát Công ty phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</i></p> <p>2. Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	Khoản 1, 2, 3 Điều 36	<p>1. <i>Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên.</i></p> <p>2. <i>Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</i></p> <p>a. <i>Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp năm 2020;</i></p> <p>b. <i>Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;</i></p> <p>c. <i>Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;</i></p>	Cập nhật theo Điều 168, 169 Luật Doanh nghiệp và Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP



MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
	<ul style="list-style-type: none"> <li>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</li> <li>b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</li> <li>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>d. <i>Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;</i></li> <li>e. <i>Không thuộc các trường hợp sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</i></li> <li>- <i>Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</i></li> </ul> </li> <li>f. <i>Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.</i></li> </ul> <p>3. <i>Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a. <i>Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;</i></li> <li>b. <i>Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;</i></li> </ul>	

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)	LÝ DO
			<p><i>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	
Khoản 3 Điều 36	<p>Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.</p> <p>a. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng được đề cử tối đa 01 (một) thành viên.</p> <p>b. Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần được đề cử tối đa 02 (hai) thành viên;</p>	Khoản 4 Điều 36	<p>Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.</p> <p>a. Cổ đông nắm giữ từ <b>10% cổ phần đến dưới 20%</b> số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một (01) thành viên.</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ <b>20% đến dưới 30%</b> số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử hai (02) thành viên;</p>	Cập nhật theo Điều 115 Luật Doanh nghiệp
Khoản 5 Điều 38	<p>Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	Khoản 5 Điều 38	<p>Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản <i>sao</i> Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.</p>	Điều lệ với số lượng tối đa 10 bộ gốc nên sẽ cung cấp bản sao Điều lệ cho Cổ đông có yêu cầu.
Điểm d Khoản 3 Điều 53	<p><i>d. Các khoản vay (nếu có);</i></p>		<p>&lt;Loại bỏ nội dung này&gt;</p>	Do Điều lệ đã quy định điểm d và e Khoản 3 Điều 53 có cùng

MỤC HIỆN HÀNH	HIỆN TRẠNG	MỤC ĐỀ XUẤT	NỘI DUNG ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG <i>(Phần sửa đổi là chữ bôi đậm, in nghiêng)</i>	LÝ DO
				bản chất, đồng thời sửa đổi lại để phù hợp với Luật Doanh nghiệp